

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	quý 1	
			năm 2012 VND	năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	124.809.707.395	145.030.098.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	14.212.917.732	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	27	110.596.789.663	145.030.098.992
4. Giá vốn hàng bán	11	28	83.775.338.364	109.201.552.985
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.821.451.299	35.828.546.007
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	624.167.151	1.300.549.799
7. Chi phí tài chính	22	30	4.656.602.638	3.802.615.134
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.590.228.069	2.624.875.642
8. Chi phí bán hàng	24		777.751.512	1.098.476.539
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.754.099.296	4.660.700.195
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.257.165.004	27.567.303.938
11. Thu nhập khác	31	31	765.131.461	549.880.816
12. Chi phí khác	32	32	409.296.599	656.746.952
13. Lợi nhuận khác	40		355.834.862	(106.866.136)
14. Phần lời/(lỗ) trong công ty liên kết	45	33	(95.193.306)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.517.806.560	27.460.437.802
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	3.238.316.104	2.263.791.872
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51	34	2.207.278.583	5.327.877.508
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.072.211.873	19.868.768.423
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	26	(574.793.405)	670.556.124
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		10.647.005.278	19.198.212.298
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	634	1.194



Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Đoàn Tường Triệu
Giám đốc điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2011